

LỊCH TRÌNH PHẬT GIÁO XỨ ĐÔNG VÀ HẢI PHÒNG

NGÔ ĐĂNG LỢI*

Xứ Đông là tên thường gọi của tỉnh Hải Dương xưa (bao gồm cả Hải Phòng và một phần tỉnh Quảng Ninh ngày nay), do vị trí ở phía đông kinh đô Thăng Long, một trong bốn trấn chính Đông, Đoài, Nam, Bắc, cũng là tên gọi thường để chỉ bốn trấn Kinh Bắc, Sơn Nam (Thượng, Hạ) và Hải Dương bao quanh bảo vệ trực tiếp kinh thành. Xứ Đông thời Hùng Vương dựng nước là bộ Dương Tuyền, đời thuộc nhà Hán là quận Giao Chỉ và Giao Châu. Sau khi nước nhà giành lại quyền tự chủ, gọi là Sách Giang hay Nam Sách Giang. Đời Trần đổi là Hồng Lộ. Thời thuộc Minh thuộc các phủ Lạng Giang, Tân An. Đời Hậu Lê gọi là Đông Đạo, rồi Nam Sách Thượng và Nam Sách Hạ.

Năm 1469, vua Lê Thánh Tông sửa gọi là Hải Dương thừa tuyên, cũng gọi là xứ hay đạo Hải Dương. Thời Mạc thuộc Dương Kinh, thời Nguyễn lúc đầu là trấn, sau gọi là tỉnh. Địa bàn tỉnh Hải Dương hay Xứ Đông gồm địa bàn tỉnh Hải Dương cùng địa bàn thành phố Hải Phòng ngày nay (trừ huyện Cát Hải, huyện Bạch Long Vĩ) và huyện Đông Triều nay thuộc tỉnh Quảng Ninh. Thời thuộc Pháp thuộc tỉnh Hải Dương, tỉnh Kiến An và thành phố Hải Phòng. Xứ Đông phía Tây giáp Hà Nội, phía Nam giáp Thái Bình, xưa thuộc về xứ Sơn Nam, phía Bắc giáp xứ Kinh Bắc, phía Đông giáp biển. Xứ Đông có địa hình phong phú đa dạng, đủ cả đồng bằng, núi non, hải đảo, phong cảnh kì thú, có đường

giao thông thủy bộ, nhất là đường thủy thuận tiện với nhiều vùng trong nước và nước ngoài. Các nhà nghiên cứu xưa và nay vẫn thường coi Xứ Đông là một vùng văn hiến của quốc gia Đại Việt.

I. Xứ Đông, nơi lưu dấu tích Phật giáo đầu tiên của nước ta thời Hùng Vương dựng nước

Trước đây, một số học giả như Phan Kế Bính, Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh..., đều cho rằng đạo Phật từ Trung Quốc truyền vào nước ta cuối thời nội thuộc Đông Hán. Phan Kế Bính tác giả cuốn *Việt Nam phong tục* cho rằng, “*đạo Phật thịnh hành ở Ấn Độ và truyền bá sang Tàu, sang ta, thì trong Việt sử yếu của cụ Quận Hoàng nói đã tường, nay xin nhắc lại mà dịch như sau này*”. Đọc kĩ cả đoạn trích này, thấy Hoàng Cao Khải (được ban tước Duyệt mậu Quận công, đương thời gọi là cụ Quận Hoàng. N.Đ.L) cho rằng đạo Phật truyền vào nước ta khá muộn. Theo ông, “*đương khi nước ta nội thuộc, người Tàu tôn tín thì người nước ta cũng tôn tín, ấy gọi là chủ đi đường nào thì đi theo đường ấy*”. Xét khi nội thuộc nhà Lương, có người Lý Phật Tử, Lý là họ, Phật Tử là tên, chắc là tục cầu tự truyền lại, mà thói mộ đạo Phật đã lâu chăng?⁽¹⁾

Trần Trọng Kim trong sách *Việt Nam sử lược*⁽²⁾ chép rõ: “*Đạo Phật sang nước Tàu kể từ nhà Tây Hán. Đời vua Hán Vũ*

*. Nhà nghiên cứu. Hội Sử học Hải Phòng.

1. Phan Kế Bính. *Việt Nam phong tục*. Nxb. Đông Thái, tái bản 1990, tr. 233-234.

2. Trần Trọng Kim. *Việt Nam sử lược*. Nxb. Tân Việt - Sài Gòn 1951, tr. 79-80.

Đế (140-180), quân nhà Hán đi đánh Hung Nô đã lấy được tượng Kim nhân và biết rằng người Hung Nô có thói đốt hương thờ Phật.

Khi những đạo Nho, đạo Lão, đạo Phật phát đạt ở bên Tàu, thì đất Giao Châu ta còn thuộc về nước Tàu, cho nên người mình cũng theo về đạo ấy...”

Đào Duy Anh cũng cho rằng, “phái Tiểu Thừa do phương Nam (Nam tôn) mà truyền sang Xiêm La, Cao Man, tuy giữ theo chính truyền của Thích Ca nhưng vì câu nệ quá thành ra hẹp hòi cần cỗi dần đi. Phái Đại Thừa thì do phương Bắc (Bắc tôn) truyền sang Tây Tạng, Trung Hoa, Việt Nam, Cao Ly, Nhật Bản, trải nhiều lần biến cải mà nghiêm nhiên thành một tôn giáo mới, là giáo A di đà (aidisme)...

Phật giáo về Đại Thừa truyền vào nước ta vào khoảng thế kỷ thứ 2, thứ 3...”⁽³⁾. Khác với những ý kiến trên, nhiều nhà nghiên cứu đã căn cứ vào các nguồn tư liệu của ta như sách *Lĩnh Nam trích quái* của một tác giả đời Trần soạn, đời Hậu Lê, Kiều Phú (1466-?), Vũ Quỳnh (1452-1516) nhuận sắc và *Thiên uyển tập anh*, cùng thần tích đền Đa Hoà, huyện Đông Yên (nay thuộc huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên), đền Chủ Xá, huyện Gia Lâm (nay thuộc Hà Nội) ghi chuyện Chủ Đồng Tử theo Phật giáo: “Thời Hùng Vương có Chủ Đồng Tử lên thảo am ở núi Quỳnh Viên. Trong am có nhà sư tên là Phật Quang, người Thiên Trúc, tuổi ngoài 40, truyền pháp cho Đồng Tử một cái nón và một cái gậy, nói rằng: Linh dị và thần thông ở đây cả. Đồng Tử đem đạo Phật truyền cho Tiên Dung”.

Về cây gậy linh dị đức Phật Quang ban cho Đồng Tử, ngoài việc cứu sống những người chết dịch ở Đa Hoà, Chủ Xá còn thấy ở thần tích miếu Thị Đa ở thôn Cốc Liễn, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy,

Hải Phòng cách thị xã Đồ Sơn hơn chục km. Theo thần tích, bà Đa người làng này có con trai duy nhất, ra bờ sông chơi bị chết đuối. Bà gào khóc thảm thiết, vừa lúc đó có một thầy chùa đi qua, dùng gậy thần làm con bà Đa sống lại. Mẹ con vui mừng khôn xiết, lạy tạ và xin tên nhà sư để thờ sống. Nhà sư từ tạ, không cho biết, dân cứ gọi là Đông Yên. Bà Đa dựng miếu tranh thờ ngài Đông Yên. Sau dân làng tìm về Đông Yên mới rõ người cứu con bà Đa là Chủ Đồng Tử. Thần Đông Yên thờ ở miếu Cốc Liễn hiện còn lưu 20 bản sắc phong từ niên hiệu Vĩnh Tộ triều Lê Thần Tông (1620-1628) đến trước thời Khải Định (1916-1925).

Từ thần tích miếu Thị Đa, Cốc Liễn gần thị xã Đồ Sơn có tên cũ là Nê Lê, nơi có dấu tích Phật giáo đầu tiên ở nước ta, gồm cả dấu tích vật thể và phi vật thể.

Theo Lưu Kỳ Hân, tác giả sách *Giao Châu Ký*: “Thành Nê Lê ở phía Đông Nam huyện Định An, cách sông 7 dặm, tháp và giảng đường do vua A Dục dựng vẫn còn, những người đồn cũi gọi là Kim Tượng”.

Lời chú sách *Thủy Kinh Chú* của Lê Đạo Nguyên ghi: “Bến dò Quan Tắc xuất phát từ đó, song nó từ phía đông huyện đi qua huyện An Định và Trường Giang của Bắc Đái. Trong sông lại có rọi/vua Việt đúc thuyền đồng, khi nước triều xuống, người ta còn thấy cả dấu vết. Sông lại chảy về phía đông, cách sông có thành Nê Lê, người ta nói là do vua A Dục dựng”. Theo *Tiền Hán Thư* quận Giao Chỉ gồm 10 huyện: An Định, Luy Lâu, Câu Lậu, Kê Từ, Mê Linh, Bắc Đái, Khúc Dương, Tây Vu, Long Biên và Chu Diên. Đào Duy Anh trong sách *Đất nước Việt Nam qua các đời* cho rằng thành phố Hải Phòng thuộc địa bàn huyện An Định.

3. Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hoá sử cương*. Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2000, tr. 259-260.

Maurice Durand, thành viên Pháp quốc Viễn Đông học viện, trong bài “*Đạo Phật truyền vào Việt Nam*” cho rằng: “Đạo Phật truyền vào Việt Nam bằng hai đường: thứ nhất bằng đường biển phía nam, từ Ấn Độ và từ các nước có ảnh hưởng Ấn Độ; thứ hai bằng đường Trung Hoa...” Claude Madrolle trong *Le Tonkin ancien* (BEFEO XXXVIII (1937) 263-322) căn cứ vào tên thành Nê Lê với nghĩa là bùn đen để giả thiết thành Nê Lê ở vùng Đồ Sơn thuộc Hải Phòng ngày nay.

Vì vậy, các tác giả sách *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* mới ghi:

“Có học giả dựa vào tài liệu Trung Hoa nói rằng, ở Giao Châu tại thành Nê Lê có Bảo Tháp của vua Asoka. Và học giả đó xác định thành Nê Lê mà sử liệu Trung Hoa nói tới chính là Đồ Sơn hiện nay”⁽⁴⁾.

Người viết bài này căn cứ vào di tích Chùa Hang (Cốc tự) và chùa trên đỉnh núi Mẫu Sơn ở Đồ Sơn cùng truyền ngôn của các cổ lão ở đây nói về vị sư người Thiên Trúc, sinh hoạt rất đơn giản, dân gọi là sư Bần, đã dựng chùa trên đỉnh núi Mẫu Sơn sau viên tịch ở Chùa Hang. Chùa vốn là một hang núi rộng và sâu. Trong chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, bộ đội sử dụng làm kho nên tượng đá, đồ thờ, thơ văn đề vịnh đã bị hư hại, gần đây làm đường mới sát chùa, phải phá núi nên lòng chùa Hang lại bị thu ngắn. Ngoài ra thơ ca địa phương đều có phản ánh về di tích kiến trúc Phật giáo Đồ Sơn:

Chùa Hang, động Phật, hang Dơi

Bốn phương tám hướng chẳng nơi nào tây.

Hương cống triều Lê Cảnh Hưng, Miễn Trai Hoàng Văn Hoàn, người Đồ Sơn có chùm thơ chữ Hán *Đồ Sơn bát vịnh*. Vịnh tám cảnh Đồ Sơn, nhiều bài tả di tích Phật giáo, đặc biệt là bảo tháp của vua A Dục (Asoka).

Bài 1: *Nhớ núi tháp xưa*

Tháp cổ xưa kia cỏ mọc đầy,

Dục Vương đi khỏi cảnh hoang ngày,

Ngàn cân chuông Phật vang sông nước,

Chín cấp Phù Đồ hoá bụi bay...

Nguyên văn chữ Hán:

Tháp sơn hoài cổ

Cổ tháp di khư loạn thảo đời,

Dục Vương khứ hậu uỷ nhân đời.

Thiên quân bảo khí minh lưu thủy,

Cửu cấp Phù Đồ hoá kiếp hồi...

Bài 2: *Tìm cảnh u huyền ở hang Phật tích*

Truyền ngôn Phật tích ở Linh San,

May được già thôn mới bảo ban.

Cửa động nông sâu đường cỏ rậm,

Chữ đề đậm nhạt vết rêu lan...

Nguyên văn chữ Hán:

Động Phật tâm u

Truyền văn Phật tích tại Linh San,

Cận đắc sơn ông chỉ thử gian.

Động khẩu thiền thâm hoang thảo kính,

Tự ngân nùng đậm ấn dài ban...

Bài 3: *Khánh Minh tự*

Phạm Vương đi khỏi tự bao ngày,

Luống để vườn Chi cỏ mọc đầy.

Khánh có cơ duyên về viện khác,

Chuông không giá để bỏ thêm này...

Nguyên văn chữ Hán:

Khánh Minh tự

Phạm Vương quy khứ kỉ thời lai,

Không uỷ Kỳ Viện ế thảo lai.

Khánh hữu cơ duyên quy biệt viện,

4. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*. Viện Triết học, Hà Nội, 1988, tr. 22.

Chung vô hư nghiệp trệ không giai...

(Khánh Minh tự)

Lê Mạnh Thát - Tác giả sách *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (tập 1, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh 2006, tr. 34) ngỡ rằng chữ Nê Lê do chữ Nakara tiếng Phạn mà ra. Nakara có nghĩa là địa ngục, mà ở vùng núi vùng Tam Đảo tỉnh Vĩnh Phúc có ngôi chùa Địa Ngục, huyện An Định có khả năng nằm tại vùng núi Tam Đảo? Đây là một kiến giải mới nhưng so với miêu tả của *Thủy Kinh Chú* thì có nhiều chi tiết không hợp⁽⁵⁾.

Non thiêng Yên Tử - đất Phật trời Nam

Với những người con Phật và khách hành hương, không mấy ai không nhớ câu:

Trăm năm công đức tu hành,

Chưa về Yên Tử chưa thành kiếp tu.

Câu ca dao khẳng định đất Phật trời Nam là vùng non thiêng Yên Tử. Trước khi Thiên phái Trúc Lâm mở am, dựng thiền viện Quỳnh Lâm từ rất lâu, những người con Phật đã hướng về Yên Tử. Một số bản thân tích Việt Nam đã nhắc đến có anh hùng liệt nữ của nước ta là con cháu tự ở chùa Yên Tử như trường hợp ông bà Lê Đạo, người ấp Vển, Đông Triều, do tuổi cao, hiếm muộn nên thành tâm cầu tự ở chùa Yên Tử, sau sinh Lê Chân, một tướng tài của Trưng Vương, người có công bảo vệ vùng ven biển và khai khẩn vùng nội đô Hải Phòng ngày nay. Công chúa Bát Nàn, tướng của Trưng Vương cũng như vậy. Thân phả Đào Tiên Nương ở trang Hán Nam, nay thuộc xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng, chép: Bà sớm mồ côi cha mẹ, về ở với dì ruột tại vùng núi Yên Tử. Một buổi đi cháu hành hương, gặp Hùng Nghị Vương tuần thú, gặp thấy Đào Tiên Nương tài sắc đoan

trang bèn nạp vào cung, phong làm Đệ Tứ hoàng hậu. Sau nữ chúa nước Hồ Tôn Tinh và bộ tướng Hồ Tiên Nương có nhiều pháp thuật sang đánh nước ta. Hùng Nghị Vương cầm quân cự địch, nhưng bị tướng giặc dùng yêu thuật vây hãm nguy cấp. Đệ Tứ hoàng hậu đem quân cứu giá, đuổi giặc về nước và bắt được nữ chúa, nữ tướng địch ở núi Lạc Tinh nước họ. Thế lòng hiếu sinh, Đào hoàng hậu xin vua tha tội chết, cấp lương tiền, cho thuyền bè về nước. Họ vô cùng cảm kích, hứa không xâm phạm bờ cõi nước ta. Sau hoàng hậu xin về quê cũ, giúp đỡ dân trang. Một hôm nghe quân tiên hội họp ngoài Nam Hải, hoàng hậu giọng thuyền ra chơi, quân tiên đón bà về tiên cảnh. Vua vô cùng thương tiếc, sai dân Hán Nam lập miếu thờ.

Một vài dấu tích Phật giáo ở xứ Đông dẫn ở trên để góp phần khẳng định thời Hùng Vương dựng nước, Phật giáo đã hiện diện ở nước ta.

II. Xứ Đông thời Phật giáo thịnh hành

Chùa Đót - Tiên Lãng, một di tích Phật giáo hiếm hoi xứ Đông. Phật giáo đến nước ta cho đến thời nội thuộc Tấn Đường chắc đã phát triển, nhưng ghi chép thiếu sót nhiều như tác giả sách *Kiến văn tiểu lục* phàn nàn. Nhưng may sao tên sáu vị danh tăng nước ta là: Vạn Kỳ, Giải Thoát Thiên, Khuy Xung, Huệ Diệm, Trí Hành, Đại Thừa Đăng được sách *Đại Đường cầu pháp Cao tăng truyện* của Nghĩa Tịnh (682-727) cùng thơ văn thù tạc của các thi sĩ đời Đường như

5. Xem thêm: Ngô Đăng Lợi. *Phải chăng Đổ Sơn là nơi đầu tiên của nước ta tiếp xúc với Phật giáo*. Thư Viện Phật học. H 1990, tr. 124-129. Giả thuyết của Lê Mạnh Thát không phải không có cơ sở lịch sử, nhưng dấu sao vẫn chưa đủ tài liệu để minh chứng hoàn toàn. Chúng tôi nghĩ rằng cần có thêm chứng cứ để giải quyết dứt khoát vấn đề này.

Trương Tích, Thẩm Thuyên Kỳ, Giả Đảo với các danh tăng nước ta giúp ta hiểu sơ lược về Phật giáo thời nội thuộc Đường.

Chúng tôi đã phát hiện tấm bia Đốt Sơn tự *Di Đà Phật bi tạo* năm Lê Hồng Đức 22 (1491) dựng chùa Đốt (tên Nôm) xã Kinh Lương, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng. Nội dung: Chùa Đốt Sơn là một danh thắng ở huyện Tân Minh được sáng lập từ thời nhà Lương, trải qua các triều Lý, Trần có vị trưởng lão nhân du đến đây, xây tháp. Sau có vị huyện thừa huyện Đại An cùng nhà sư trụ trì và người làng bỏ tiền ra tô tạo thêm tượng Phật... (Thác bản bia- Viện Hán Nôm 9571; 9572). Trong kháng chiến chống Pháp (1946-1954), chùa Đốt đã bị huỷ hoại hoàn toàn, bia cổ bị hỏng hết. Dân mới sửa lại chùa mấy năm gần đây.

Chùa Mỹ Cù và Sách Giang- di tích Phật giáo đời Tiền Lê. Chùa Mỹ Cù ở xã Chính Mỹ, huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng nổi tiếng là danh lam xứ Đông. Theo truyền ngôn, cha mẹ Lê Hoàn cầu tự ở chùa này sinh ra vị anh hùng dân tộc đã đánh Tống bình Chiêm. Hoà thượng Kim Cương Tử ghi lại truyện này trong *Bút kí của Hoà thượng Kim Cương Tử*, Chùa Trấn Quốc, Hà Nội 1990, tr. 195.

Ta biết, vua Lê Đại Hành trọng dụng các nhà sư. Các vị danh tăng nước ta đều hết lòng phò tá. Việc ngoại giao cũng do các nhà sư đảm trách. Lê Mạnh Thát trong *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 2, trang 325 ghi lại việc sứ bộ nhà Tống sang ta năm Thiên Phúc thứ bảy (987). *Đại Việt sử kí toàn thư* từ 18a- b8 chép lại khá chi tiết: "Năm Đinh Hợi Thiên Phúc thứ 8 (987) mùa xuân(...) nhà Tống lại sai Lý Giác đến. Tới chùa Sông Sách, vua sai pháp sư tên Thuận giả làm giang lệnh đi đón. Giác rất giỏi bàn văn chương (...) Thuận đem bài thơ dâng. Vua cho gọi Ngô Khuông Việt đến xem..."

Đối chiếu nguyên văn chữ Hán đoạn sử trên: "Tống phục khiển Lý Giác lai, Chí Sách Giang tự, để khiến pháp sư danh Thuận giả vi Giang lệnh nghinh chi. Giác thậm thiện văn đàm... cập quy quán dĩ thi di chi. Thuận dĩ thi hiến, để chiêu tăng Ngô Khuông Việt quan chi..." ở đây, ta thấy Lê Mạnh Thát hiểu lầm chữ *Sách Giang tự* nên dịch là *chùa Sách Giang*, thực tế vùng Thuỷ Nguyên xưa là Nam Triệu Giang và Sách Giang không có chùa Sách Giang. Giang ở đây là một đơn vị hành chính chứ không phải là sông, chữ "tự" không chỉ có nghĩa là "chùa" mà còn còn có nghĩa "dinh quan", như Hồng Lô tự, Thái Thường tự... chữ về đến "quán" ở dưới làm rõ thêm nghĩa chữ "tự" ở trên. Chữ Giang lệnh ở đây, chắc mang nghĩa quan trông coi Giang Sách giống như chức huyện lệnh, quan coi một huyện đặt từ đời Tần, Hán. Vậy đoạn sử trên có lẽ nên dịch như sau mới sát nghĩa:

"Nhà Tống lại sai Lý Giác đến dinh Sách Giang, vua sai pháp sư tên Thuận giả làm quan Giang lệnh đi đón. Giác rất giỏi bàn văn chương... Khi về đến sứ quán bèn đem thơ tặng... Thuận đem bài thơ dâng, vua vời sư Ngô Khuông Việt đến xem...". Nhiều sử liệu cho biết, buổi đầu giành độc lập, các triều Đinh - Lê định đô ở Hoa Lư, dùng trạm dịch tiếp sứ ở vùng Sách Giang (Hải Dương, Hải Phòng ngày nay) rồi đưa sứ theo đường sông vào kinh đô.

Tháp Tường Long - chùa Lôi Công - Hệ thống chùa tháp Yên Tử... di tích tiêu biểu Phật giáo thời cực thịnh ở nước ta

Sách *Đại Việt sử lược* có nhắc đến sự kiện cây ưu đàm chùa Lôi Công nở hoa...

Thần phả đình Văn Tra, huyện Văn Dương, Hải Phòng cho biết, *Đào Cam Mộc*, quê vùng Kim Nhan, *Châu Hóa* thời trẻ ra kinh đô. *Hoa Lư học*...

ông theo thuyền buôn ra xứ Đông đến vùng Vân Tra, An Dương, được một nhà hào phú ở đây mến tài gả con gái là Đỗ Thị Uyển. Bà Uyển đã nuôi chồng ăn học thành tài, chồng làm quan trải thăng đến chức Chi hậu. Sau Đào Cam Mộc cùng sư Vạn Hạnh phò Lý Công Uẩn lên ngôi vua. ông bà Đào Cam Mộc - Đỗ Thị Uyển sinh hai con trai Đào Lôi (Lôi Công), Đào Điện đều làm quan triều Hậu Lý. Chính sử ghi Đào Lôi được ban chức Tả phúc tâm. Khi trí sĩ Đào Lôi về Vân Tra mở trường dạy học, học trò theo học rất đông, nhiều người thành đạt. Sĩ phu tôn ông là Vân Tra phu tử. Sau khi qua đời được phong phúc thần làng Vân Tra. Đình miếu thờ Đào Lôi có câu đối:

Vân Tra nở đậ thiên niên miếu

Hậu Lý sơn hà đệ nhất công

Tháp Tường Long dựng trên đỉnh Mầu Sơn năm 1057 đời Lý Thánh Tông, mỗi viên gạch đều có dòng chữ Lý triều Đệ Tam đế, Long Thụy Thái Bình Tứ niên tạo. Tường Long là một trong bốn ngôi tháp lớn do triều Lý xây dựng. Năm Gia Long thứ 4 (1805) tháp bị phá lấy gạch xây trấn Hải Dương. Toàn bộ nền móng, nhiều gạch và vật trang trí vẫn còn, mặc dù chiến tranh phá hoại, nên tháp bị xê làm công sự. Nhà nước ta đã có chủ trương dựng lại ngôi tháp quý này.

Di tích Phật giáo xứ Đông có giá trị bậc nhất phải kể đến quần thể chùa tháp, tăng viện Yên Tử và cả địa bàn huyện Đông Triều - *"Đông Triều đa hữu hảo giang sơn"*. Thiền phái Trúc Lâm chọn đất này vì như trên đã nói *"non thiêng Yên Tử vốn là đất Phật trời Nam"*. Ngô Thì Nhậm- tác giả sách *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* cho rằng anh hùng dân tộc Trần Nhân Tông, sau khi nhường ngôi tim về Yên Tử tu Phật còn có ý cảnh giác với giặc Bắc và nhắc nhở đời sau:

"Bắc môn cài cửa khoá then. Giữ người lân quốc, yêu con triều đình". Ngoài hệ thống chùa tháp, thiền viện Quỳnh Lâm, xứ Đông còn rất nhiều chùa đời Trần như chùa làng Bùi (Đào Yêu, An Dương) do bà Bùi Thị Thục, chị gái hai tiến sĩ Bùi Xuân Hổ, Bùi Xuân Hùng, người làng này dựng; chùa Mỗ, Kiến Thụy do công chúa Thiên Thụy; chùa Quy Tức do công chúa Chiêu Hoa, chùa Kha Lâm do công chúa Chiêu Chinh xây dựng trên ấp của mình. Số điển trang thái ấp do các thân vương, trưởng công chúa triều Trần khai khẩn thường có dựng chùa, mở chợ, nổi bật là chùa Dưỡng Chân, đời Thành Thái đổi là Dưỡng Chính, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên có tịnh thất của Hưng Ninh vương Trần Tung, đạo hiệu Tuệ Trung Thượng Sĩ được Trần Thánh Tông tôn là sư huynh, Tam tổ Trúc Lâm tôn là bậc thầy.

Cuối đời Trần, đạo Nho phát triển, Phật phái Trúc Lâm sau khi Tam Tổ thị tịch An Tâm quốc sư kế đăng, không phải thiếu tài, mà chủ yếu do thời thế đã khác. Tuy vậy, cuối đời Trần còn Đức Thánh tổ Đông Sơn tên đời là Vương Huệ ở tổ đình Quang Khánh, xã Dưỡng Mông, tục gọi là tổ Muống hay tổ Cáy. Ngài là bậc danh tăng đạo cao đức trọng đã độ nhiều đệ tử, dựng đến 72 ngôi chùa. Vua Trần Minh Tông ban phong đạo hiệu Từ Giác Quốc sư. Vua Lê Thánh Tông đã đến thăm chùa, có thơ đề vịnh.

Chùa Đại Minh - Chùa Đồ Sơn thời thuộc Minh

Năm 1407, nhà Minh đặt được nền đô hộ ở nước ta. Suốt 20 năm bọn đô hộ thi hành chính sách vô cùng tàn khốc, thuế nặng sưu cao, cướp phá sách vở, đàn áp trí thức, chúng còn thần quyền giáo lí để ru ngủ dân ta. Ty Đạo Hội đặt đến cấp huyện. Huyện Kiến Thụy, thời thuộc

Minh, thuộc địa bàn An Lão có xã Đoàn Xá nằm trong khu Đồ Sơn - Bát Xã người Tàu dựng một ngôi chùa mang tên Đại Minh Tự gắn với truyền thuyết Tàu dấu vàng. Tượng pháp đều tạc kiểu Tàu. Chùa bị quân Pháp chiếm ngày 2 tháng 10 năm Đinh Hợi (1947). Chúng lập đồn binh, dùng tam quan làm chòi canh, cải tạo Phật điện làm phòng cho bọn chỉ huy. Dấu tích chùa Đại Minh ngày nay còn quả chuông ghi dòng chữ Đại Minh tự chung, đúc đời Minh Mạng (1820-1840) và một giếng thời cổ do người Tàu đào từ ngày ấy.

Chùa Đồ Sơn là chỉ chung các ngôi chùa ở ba xã Ngọc Xuyên, Đồ Hải và Đồ Sơn coi như một tổ đình do nhà sư yêu nước Phạm Ngọc trông coi. Năm 1420, ngài đã dựng cờ khởi nghĩa kêu gọi dân chúng đứng lên đuổi đô hộ Minh. Dân xứ Đông và Nam đứng lên hưởng ứng đông đảo. Ngài được tôn là La Bình vương, đặt niên hiệu là Vĩnh Ninh, đặt quan văn võ, giành lại nhiều huyện. Thanh thế nghĩa quân rất mạnh, khiến Tổng binh Giao Chỉ Lý Bân phải đem binh lực lớn đến bao vây, tấn công Đồ Sơn bằng hai đường thủy bộ. Nghĩa quân gây cho địch nhiều thiệt hại. Sau vì hết lương, tuyến phòng thủ ở dọc sông Lạch Tray vỡ, 1400 tướng sĩ nghĩa quân sa tay giặc đều bị giết hại, 200 thuyền bị mất vào tay giặc. Nhà sư Phạm Ngọc trốn thoát, ra vùng Đông Triều, tiếp tục xây dựng cơ sở chờ thời.

III. Xứ Đông - nơi trung hưng Phật giáo nước ta

Chùa Diên Phúc với vị Trạng nguyên tinh thông Phật học

Vào cuối thời Hậu Lê, đạo Nho đã chiếm vị thế ưu trội, nhưng khoa thi Nhâm Tuất (1502) vua Lê Hiến Tông, kì đình đối lại ra đề hỏi về đạo Phật. Lê ích Mộc đỗ Trạng nguyên. Triều Hậu Lê, Lê

Thánh Tông, vị vua hết sức đề cao Nho giáo, nhưng con ông kế vị, có lẽ thấy nhiều vấn đề chính trị - xã hội đương thời phải tìm thêm cách giải quyết bằng giáo lí nhà Phật. Người học trò nghèo làng Thanh Lãng, huyện Thuỷ Nguyên nay, vốn được thiền sư chùa Diên Phúc quê ông giúp đỡ, dạy dỗ nên tinh thông cả Phật giáo và Nho giáo đã giành học vị cao nhất khoa này. Đến thờ ông đã được xây dựng mới gần nhà giảng học cũ của ông.

Tổ đình Đông Khê - Hải Phòng với sự nghiệp Trung hưng Phật giáo

Nói về công lao Trung hưng Phật giáo nước ta hàng đầu phải kể đến tổ đình Đông Khê (Nguyệt Quang tự) lúc ấy thuộc về huyện An Dương, phủ Kinh Môn, nay thuộc quận Hải An, Hải Phòng với thầy trò thiền sư Như Thiện và Tính Tĩnh. Trước tổ đình Đông Khê phải kể đến thiền sư Chân Nghiêm trụ trì chùa Sùng Quang, xã Luân Lan, huyện Tứ Kỳ, Ngài đã khắc in sách *Thánh đẳng lục* và viết bài tựa năm 1550. Sách này sau được thiền sư Chân Nguyên (1646-1726) tên đời là Nguyễn Nghiêm, người xã Tiền Liệt huyện Thanh Hà, thụ giới thiền sư Minh Lương. Ngài Chân Nguyên đã tự đốt hai ngón tay để phát nguyện hành đạo Bồ Tát. Năm 1692, vua Lê Hy Tông ban mi hiệu Vô Thượng công và tặng áo cà sa cùng nhiều đồ thờ tự. Năm 1672, vua Lê Dụ Tông phong chức Tăng Thống cùng mi hiệu Chính Giác hoà thượng. Thiền sư Chân Nguyên đã khắc ván *Thánh đẳng lục* lần thứ hai, lại căn cứ vào sách này để diễn nôm nhằm mục đích đem "*Thánh đẳng lục* giảng ra, kêu đèn Phật tổ sáng hoà tam thiên".

Thiền sư Chân Nguyên truyền y bát cho đệ tử là Như Hiện, quê xã Nhân Dục, huyện Mỹ Hào ngày nay về trụ trì ngôi chùa cổ làng Đông Khê (Nguyệt Quang

tự), ngài là bậc đạo pháp cao siêu, uy tín lẫy lừng, giáo hoá nhiều đệ tử, được vua chúa, tín đồ ngưỡng mộ. Năm 1684, vua Lê Hy Tông phong chức Tăng Cương, ban mi hiệu Thuần Giác hoà thượng. Sau khi ngài thị tịch, đệ tử là thiền sư Tính Tĩnh được kế vị, đã phát dương nguồn đạo, đào tạo được 67 đệ tử xuất gia, trùng tu tôn tạo được 40 ngôi chùa. Năm 1742, vua Lê Hiển Tông ban đạo hiệu Hoàng Đạo hoà thượng. Các đệ tử của ngài đã nỗ lực kế tục sự nghiệp của thầy.

Tăng ni, tín đồ xứ Đông tham gia chống đế quốc xâm lăng bảo vệ tổ quốc, bảo vệ đạo

Năm 1874, triều đình nhà Nguyễn nhu nhược kí hiệp ước nhượng khu bãi Ninh Hải (Hải Phòng) để thực dân Pháp đặt lãnh sự, mở thương điểm, đặt đồn binh, dần dần chiếm cứ đặt nền thống trị trên toàn đất nước ta. Thực dân Pháp dùng nhiều chính sách thâm độc, nhất là chính sách chia rẽ lương, giáo để chinh phục, đô hộ nước ta.

Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của sĩ phu trí thức yêu nước như các phong trào Cần Vương, Duy Tân, Đông Du, Đông Kinh Nghĩa thực, Việt Nam Quốc Dân đảng. Hội Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí, Đảng Cộng Sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc sáng lập, lãnh đạo đã liên tục chống giặc giữ nước bảo vệ nền văn hoá dân tộc, Trong sự nghiệp gian khó, vẻ vang này, tăng ni, Phật tử xứ Đông đã tích cực tham gia. Nhiều chùa ở xứ Đông như Kim Liên, xã Trại Sơn là căn cứ của Tân Thuật, là cơ sở của Ban Tuyên huấn xứ uỷ Cộng sản Bắc Kỳ chùa Đồng Bình, xã Đoàn Xá, Kiến Thụy là cơ sở của Lãnh Quý, của Việt Minh thời kì tiền khởi nghĩa, của Uỷ ban hành chính kháng chiến thời tạm chiếm; chùa Thủ Sĩ, Hưng Yên, nơi chiến sĩ Cộng sản

người Đông Khê Trần Ngón Chi đóng vai sư Định, sau khi trốn tù về gây cơ sở ở Thanh Miện, Kim Thành...

Chùa Yên Tử là căn cứ của Tân Thuật, nơi Nguyễn Thái Học nhiều lần tránh địch; vệ sĩ thân tín của ông là Sư Trạch. Các chùa Bắc Mã, Chính Mỹ, Mỹ Cù, An Lưu... là cơ sở của Đệ tứ chiến khu Đông Triều trong cao trào khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Trong kháng chiến chống Pháp, xứ Đông và Hải Phòng ở vào vùng tạm chiếm sớm nhất, sâu nhất, lâu nhất nhưng tuyệt đại đa số tăng ni đều ủng hộ kháng chiến. Nhiều vị là liệt sĩ, thương binh. Hải Phòng là nơi đầu tiên thành lập Hội Tăng Già cứu quốc, nhiều nhà sư trẻ gia nhập bộ đội Nam tiến, bộ đội địa phương... Đáng tiếc, đến nay chưa có những thống kê đầy đủ về cống hiến của tăng ni xứ Đông với sự nghiệp cứu quốc thời lịch sử cận hiện đại.

Vào những năm đầu thập kỉ 30 thế kỉ XX, trước tình hình Phật giáo ngày càng suy yếu, tổ chức rời rạc, một số thiền sư, cư sĩ giàu tâm huyết đã đề xướng công cuộc Chấn hưng Phật giáo nước nhà. Công cuộc vô cùng khó khăn nhưng với thành tâm với Đạo, với Đời cùng tài năng, đức độ của các vị nên ở ba kì cũng lần lượt ra đời tổ chức Chấn hưng Phật giáo. Riêng ở Bắc, Hội Bắc Kỳ Phật giáo được cấp phép thành lập ngày 6 tháng 11 năm 1934, Hội đã thu hút được nhiều học giả, nhà văn, công chức, nhà tư sản, đông đảo tín đồ và bên xuất gia có nhiều bậc cao tăng thạc đức, uy tín lẫy lừng. Riêng ngày ra mắt, có hơn 300 vị hoà thượng, thượng toạ ở khắp các sơn môn toàn Bắc Kỳ cùng bốn năm ngàn tín đồ về dự ở chùa Quán Sứ. Ban Vận động thành lập Bắc Kỳ Phật giáo có nhiều nhân sĩ trí thức lớn tham gia chứng tỏ họ thấy rõ Phật giáo có vai trò cống hiến lớn trong

lịch sử dựng nước và giữ nước lâu dài của dân tộc, đặc biệt trong lĩnh vực tư tưởng văn hoá. Xứ Đông ngày ấy gồm tỉnh Hải Dương, thành phố Hải Phòng, tỉnh Kiến An. Phong trào Chấn Hưng Phật giáo phát triển khá mạnh ở tỉnh lỵ Hải Dương, thành phố Hải Phòng, tỉnh lỵ Kiến An và huyện Nam Sách, Thanh Miện, Đông Triều (Hải Dương), Hải An, Thuỷ Nguyên (Kiến An). Hội viên sáng lập có học giả Trịnh Văn Giáp quê Từ Ô, Thanh Miện, nhà văn Nguyễn Trọng Thuật quê Man Nhướ, Nam Sách, Tuần phủ hưu trí Trần Văn Đại thay Tổng đốc Nguyễn Năng Quốc làm hội trưởng, nhà sư Hải Châu (Vũ Đình ứng) chùa Yên Linh, Nam Sách... Nhiều nhà tư sản hàng tâm giúp đỡ Hội về tài chính như Cát Hanh Long, anh em Bạch Thái Đài (Hải Phòng). Các chi hội xứ Đông và Hải Phòng đã ấn tống, quảng bá, khắc ván in kinh sách, thuyết giảng giáo lí, tôn tạo chùa cảnh, bảo vệ di tích văn hoá, nổi bật là tôn tạo các chùa ở Yên Tử, làm chùa Đại Giác, Vạn Long (Kiến An), Nam Hải (Hải Phòng).

Vài dòng tạm kết

1. Xứ Đông với Phật tích Nê Lê (Đỗ Sơn) là nơi đầu tiên nước ta tiếp thụ Phật giáo. Từ Nê Lê truyền lên Luy Lâu, từ Luy Lâu truyền sang Lạc Dương và Bành Thành, Trung Quốc.

Xứ Đông, nơi ghi dấu thời kì cực thịnh của Phật giáo Đại Việt, tiêu biểu là Thiên

phái Trúc Lâm do Tam Tổ đề xướng. Xứ Đông còn là nơi phục hưng Thiên phái Trúc Lâm do công lao của Thiên sư Chân Nguyên chùa Long Động, Thiên sư Như Hiệu, Tĩnh Tĩnh chùa Đông Khê.

Xứ Đông và Hải Phòng cũng là nơi tích cực góp phần chấn hưng Phật giáo thời kì hiện đại dưới sự lãnh đạo của Hội Bắc Kỳ Phật giáo, đặc biệt là thiên sư Trí Hải, một sáng lập viên, một lãnh đạo chủ chốt của Hội đã có công xây dựng diu dất phong trào Chấn hưng Phật giáo ở Hải Phòng.

2. Trải qua hai thiên niên kỉ tồn tại, Phật giáo nước ta đã góp phần cực kì to lớn trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước, đặc biệt trong lĩnh vực tư tưởng văn hoá, chùa chiền phát triển tận thôn cùng, xóm vắng, uy tín vị thế của tăng ni trong xã hội khiến nhà Nho Lê Quát đời Trần đã phải phàn nàn vì ảnh hưởng Khổng giáo kém xa Phật giáo. Quả vậy, tăng ni đã giữ vai trò từ "hương sư" đến "quốc sư", cố vấn cho chính quyền từ trung ương đến cơ sở, là chỗ dựa tinh thần của nhân dân. Phật giáo đã thực sự góp phần tạo nên tâm hồn, cốt cách Việt, là một viên đá xây nền văn hoá nước nhà. Xứ Đông vốn được coi là văn nhả của Tứ Xuyên. Nền văn nhả đó có sự đóng góp quan trọng của Phật giáo. Xứ Đông cũng chịu ảnh hưởng của Nho giáo, Đạo giáo, Kitô giáo..., nhưng ảnh hưởng sâu đậm nhất là Phật giáo./.